

BÁO CÁO

Dự ước kết quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tháng 8/2019.

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình xuất nhập khẩu tháng 8/2019

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 8/2019 ước đạt 3.278 triệu USD (chiếm khoảng 6,93% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước) tăng 6,6% so với tháng 7/2019 và tăng 7,65% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Kim ngạch xuất khẩu (KNXK) tháng 8/2019 ước đạt 1.773 triệu USD (chiếm khoảng 7,24% KNXK của cả nước) tăng 5,4% so với tháng 7/2019 và tăng 6,3% so với cùng kỳ. Trong đó, khối FDI ước đạt 1.436 triệu USD (chiếm khoảng 80,96% kim ngạch xuất khẩu của tỉnh) tăng 5,6% so với tháng trước và tăng 6,64% so với cùng kỳ.

- Kim ngạch nhập khẩu (KNNK) tháng 8/2019 đạt 1.504 triệu USD (chiếm khoảng 6,6% KNNK của cả nước) tăng 8,11% so với tháng 7/2019 và tăng 9,28% so với cùng kỳ. Trong đó khối FDI ước đạt 1.200 triệu USD (chiếm 79,8% kim ngạch nhập khẩu của tỉnh) tăng 8,42% so với tháng trước và tăng 9,46% so với cùng kỳ.

Xuất siêu tháng 8/2019 ước đạt 269 triệu USD, giảm 7,5% so với tháng 7/2019, giảm 7,7% so với cùng kỳ.

2. Tình hình xuất nhập khẩu 08 tháng đầu năm 2019

Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 23.425 triệu USD (chiếm khoảng 6,96% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước), tăng 3,3% so với cùng kỳ. Trong đó:

- KNXK 08 tháng đầu năm 2019 ước đạt 12.762 triệu USD (chiếm khoảng 7,51% cả nước), tăng 5,22% so với cùng kỳ. Trong đó khối FDI ước đạt 10.442 triệu USD (chiếm 81,8%) tăng 5,3% so với cùng kỳ.

- KNNK 08 tháng đầu năm 2019 ước đạt 10.663 triệu USD (chiếm khoảng 6,4% cả nước) tăng 1,11% so với cùng kỳ. Trong đó khối FDI ước đạt 8.646 triệu USD (chiếm 81%), tăng 1,15% so với cùng kỳ.

Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, xuất siêu đạt 2.098 triệu USD tăng 32,6% so với cùng kỳ.

II. MỘT SỐ NHÓM HÀNG XUẤT KHẨU CHÍNH

1. Giày dép các loại

KNXXK mặt hàng giày dép các loại tháng 8/2019 ước đạt 384 triệu USD (chiếm 21,66% tổng KNXXK của tỉnh), tăng 5,85% với tháng 7/2019 và tăng 16,45% so với cùng kỳ.

KNXXK mặt hàng giày dép ở một số thị trường so với cùng kỳ như sau: Hoa Kỳ 143,4 triệu USD (+23,8%), chiếm 37% KNXXK mặt hàng này; Bỉ 55 triệu USD (+31,8%), chiếm 14,32% KNXXK mặt hàng giày dép của toàn tỉnh; Trung Quốc 51 triệu USD (+2%), chiếm 13,3%; Đức 13,5 triệu USD (+14%), chiếm 3,52%; Anh 13,4 triệu USD (-4,4%), chiếm 3,5%; Hà Lan 12,3 triệu USD (+132%), chiếm 3,2%; Mexico 9,7 triệu USD (+25%), chiếm 2,54%; Nhật Bản 8,8 triệu USD (-37%), chiếm 2,3%; Hàn Quốc 6,3 triệu USD (-44,8%), chiếm 1,66%; Canada 5,8 triệu USD (+7,2%), chiếm 1,5%;...

Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019 KNXXK các mặt hàng giày dép ước đạt 2.764 triệu USD (chiếm 21,66% tổng KNXXK), tăng 15,32% so với cùng kỳ. KNXXK giày dép các loại vào một số thị trường chủ yếu so với cùng kỳ như sau: Hoa Kỳ 1.025 triệu USD (+11,4%); Trung Quốc 405 triệu USD (+24,8%); Bỉ 358 triệu USD (+22%); Đức 108 triệu USD (+16,3%); Anh 106 triệu USD (+6,6%); Nhật Bản 82,4 triệu USD (-4,9%); Hàn Quốc 62,6 triệu USD (-6,5%),...

Sản xuất của ngành dệt may, da giày tháng 8 năm 2019 tiếp tục tăng trưởng tốt chủ yếu nhờ cơ hội và triển vọng phát triển, mở rộng thị trường từ hiệu ứng của các Hiệp định thương mại tự do mang lại như Hiệp định CPTPP với lộ trình miễn thuế xuống 0% và nhiều điều khoản ưu đãi theo quy tắc "từ sợi trở đi"; cùng với đó là triển vọng về việc ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) sẽ giúp ngành dệt may Việt Nam tiếp cận sâu rộng hơn với thị trường này.

2. Hàng dệt may

KNXXK hàng dệt may tháng 8/2019 ước đạt 193 triệu USD (chiếm 10,9% KNXXK của tỉnh), tăng 0,88% so với tháng 7/2019, tăng 0,28% so với cùng kỳ.

Thị trường Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường lớn nhất với KNXXK đạt 78 triệu USD (-1,9%), chiếm 40,5% KNXXK hàng dệt may toàn tỉnh. Tiếp sau đó là các thị trường Nhật Bản 23,7 triệu USD (+6,1%), chiếm 12,28%; Pháp 13 triệu USD (+18,4%), chiếm 6,82%; Hàn Quốc 8,9 triệu USD (-1%), chiếm 4,6%; Trung Quốc 7,2 triệu USD (+12%), chiếm 3,74%; Campuchia 6 triệu USD (-12,2%), chiếm 3,14%;...

Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019 KNXXK hàng dệt may ước đạt 1.340 triệu USD (chiếm 10,5% KNXXK của tỉnh), tăng 4,36% so với cùng kỳ. KNXXK hàng dệt may vào một số thị trường chủ yếu so với cùng kỳ như sau: Hoa Kỳ 537 triệu USD (+6,2%); Nhật Bản 147 triệu USD (+1,1%); Pháp 86 triệu USD (+5,5%); Hàn Quốc 58,5 triệu USD (+3,9%); Trung Quốc 57,4 triệu USD (+7,1%); Campuchia 52 triệu USD (+6,6%); Indonesia 45 triệu USD (+10,5%);...

Theo đánh giá chung của Bộ Công Thương, hai ngành công nghiệp dệt may, da giày của Việt Nam tuy đạt kim ngạch xuất khẩu lớn nhưng vẫn còn phụ thuộc nhiều vào các doanh nghiệp FDI, phương thức sản xuất chủ yếu là gia công, nguyên liệu nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn. Trong dài hạn, các doanh nghiệp cần có giải pháp đi sâu vào chuỗi giá trị, bởi những lợi thế về chi phí của Việt Nam sẽ mất dần và gặp áp lực cạnh tranh lớn từ Campuchia, Bangladesh.

3. Máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng

KNXK máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng tháng 8/2019 ước đạt 151,6 triệu USD (chiếm 8,55% KNXK của tỉnh), tăng 1,5% so với tháng 7/2019 và tăng 12,26% so với cùng kỳ.

KNXK mặt hàng máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng tại các thị trường chủ yếu tháng 8/2019 so với cùng kỳ như sau: Hoa Kỳ 32 triệu USD (+13,3%), chiếm 21,2% KNXK mặt hàng này; Nhật Bản 15,6 triệu USD (-7,13%), chiếm 10,3%; Trung Quốc 12,5 triệu USD (+31,9%), chiếm 8,2%; Hồng Kông 8 triệu USD (+5,5%) chiếm 5,3%; Philipines 7,5 triệu USD (-33%), chiếm 5%.

Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, KNXK máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng ước đạt 1.090 triệu USD (chiếm 8,55% KNXK của tỉnh) tăng 15% so với cùng kỳ. KNXK máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng vào một số thị trường chủ yếu so với cùng kỳ như sau: Hoa Kỳ 235,7 triệu USD (+33,78%); Nhật Bản 116,8 triệu USD (+11,9%); Trung Quốc 85 triệu USD (+31,35%); Philipines 66,5 triệu USD (-15,6%); Hồng Kông 59,5 triệu USD (+2,23%); Thái Lan 52,5 triệu USD (+41%); Hàn Quốc 51 triệu USD (+78%); Hà Lan 39 triệu USD (-3,5%);...

4. Xơ, sợi dệt các loại

KNXK nhóm hàng xơ, sợi dệt các loại tháng 8/2019 ước đạt 135 triệu USD (chiếm 7,6% KNXK của tỉnh), tăng 12,46% so với tháng trước và tăng 4,1% so với cùng kỳ.

KNXK xơ sợi dệt tháng 8/2019 vào một số thị trường chủ yếu so với cùng kỳ như sau: Trung Quốc 52 triệu USD (+7,78%), chiếm 38,45% KNXK mặt hàng này; Hàn Quốc 14 triệu USD (-24,6%), chiếm 10,3%; Ấn Độ 11 triệu USD (+23,2%), chiếm 8,23%; Thổ Nhĩ Kỳ 8,7 triệu USD (+32,7%), chiếm 6,4%; Hồng Kông 6,2 triệu USD (+24,6%), chiếm 4,6%; Bangladesh 5,6 triệu USD (-1,12%), chiếm 4,2%.

Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019 xuất khẩu xơ, sợi dệt các loại ước đạt 986,6 triệu USD (chiếm 7,7% KNXK của tỉnh), giảm 5,6% so với cùng kỳ. KNXK xơ sợi dệt vào một số thị trường chủ yếu như sau: Trung Quốc 361 triệu USD (-3,76%); Hàn Quốc 120 triệu USD (-19%); Ấn Độ 72,7 triệu USD (-7%); Thổ Nhĩ Kỳ 66,3 triệu USD (-13,9%); Thái Lan 39 triệu USD (+6,7%); Brazil 36 triệu USD (+8,36%);...

Trung Quốc hiện là thị trường chính của ngành sợi Việt Nam. Đối với Trung Quốc, Việt Nam cũng là đối tác cung cấp sợi chính với thị phần tăng

trường liên tục. Do đó, bất kỳ biến động nào đối với ngành dệt may Trung Quốc cũng sẽ gây ảnh hưởng lớn đến ngành sợi Việt Nam. Tình trạng này một lần nữa làm nóng lên vấn đề đa dạng hóa thị trường xuất khẩu cho ngành sợi. Mặt hàng xơ sợi chịu ảnh hưởng từ xung đột thương mại Mỹ - Trung Quốc, đặc biệt là gói áp thuế 300 tỷ USD của Mỹ, do vậy những tháng còn lại của năm 2019, xuất khẩu sợi chưa có triển vọng sáng.

5. Gỗ & sản phẩm gỗ

KNXK mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ tháng 8/2019 ước đạt 129 triệu USD (chiếm 7,28% KNXK của tỉnh), tăng 8,8% so với tháng 7/2019, tăng 1,2% so với cùng kỳ. KNXK vào một số thị trường chủ yếu như sau: Hoa Kỳ 86 triệu USD (+16,3%), chiếm 66,6% KNXK mặt hàng này; Hàn Quốc 14 triệu USD (-27%), chiếm 10,8%; Nhật Bản 11,6 triệu USD (tương đương với cùng kỳ), chiếm 9%; Anh 3,5 triệu USD (+8,2%), chiếm 2,7%; Canada 3 triệu USD (+47,4%), chiếm 2,36%; Australia 2,2 triệu USD (-51%), chiếm 1,7%;...

Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019 xuất khẩu mặt hàng gỗ và các sản phẩm từ gỗ ước đạt 929 triệu USD (chiếm 7,28% KNXK), tăng 4,62% so với cùng kỳ. KNXK gỗ và sản phẩm gỗ vào một số thị trường chủ yếu như sau: Hoa Kỳ 580,8 triệu USD (+11%); Hàn Quốc 114,7 triệu USD (-2%); Nhật Bản 97,6 triệu USD (+20,7%); Anh 21,8 triệu USD (-9,8%); Australia 20 triệu USD (-29,7%); Canada 20 triệu USD (-1,9%); Trung Quốc 10 triệu USD (-68%);...

6. Cà phê

KNXK cà phê tháng 8/2019 ước đạt 42 triệu USD (chiếm 2,38% KNXK của tỉnh), tăng 10,95% so với tháng 7/2019, tăng 15% so với cùng kỳ. Lượng cà phê xuất khẩu tháng 8/2019 ước đạt 22,6 ngàn tấn, tăng 10,95% so với tháng 7/2019 và tăng 5,6% so với cùng kỳ. KNXK cà phê tháng 8/2019 tại một số thị trường chủ yếu như sau: Đức 6,6 triệu USD (+61%), chiếm 15,6%; Hoa Kỳ 6,5 triệu USD (+59%), chiếm 15,5%; Tây Ban Nha 3,8 triệu USD (-28%), chiếm 9,2%; Italia 3,2 triệu USD (+63,75%), chiếm 7,6%;...

Giá cà phê xuất khẩu tháng 8/2019 bình quân ước đạt 1.862 USD/tấn, tăng 3,3% với tháng trước, tăng 8,95% so với cùng kỳ.

Bộ Công Thương nhận định, trên thị trường thế giới, giá cà phê toàn cầu giảm do áp lực dư cung và ảnh hưởng bởi căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung. Do đó, xuất khẩu cà phê của Việt Nam cũng chịu tác động là điều không tránh khỏi. Tuy nhiên, mưa lớn kéo dài tại một số tỉnh khu vực Tây Nguyên có thể ảnh hưởng tới mùa vụ cà phê tới, song yếu tố này có thể hỗ trợ giá cà phê trong nước.

Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, lượng cà phê xuất khẩu ước đạt 163 ngàn tấn giảm 12% so với cùng kỳ. Trị giá xuất khẩu cà phê đạt 288,7 triệu USD, chiếm 2,26% KNXK của tỉnh và giảm 13,4% về trị giá so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Hoa Kỳ 42 triệu USD; Đức 35 triệu USD; Italia 30,6 triệu USD; Philipines 18,2 triệu USD; Tây Ban Nha 18 triệu USD; Algeria 16,8 triệu USD; Bỉ 15 triệu USD;...

7. Hạt điều nhân

KNXK hạt điều nhân tháng 8/2019 ước đạt 28 triệu USD (chiếm 1,6% KNXK của tỉnh), tăng 1,76% so với tháng 7/2019, tăng 1,9% so với cùng kỳ. Lượng hạt điều xuất khẩu tháng 8/2019 ước đạt 4 ngàn tấn, tăng 1,76% so với tháng 7/2019, tăng 24,67% so với cùng kỳ. KNXK hạt điều nhân tháng 8/2019 tại một số thị trường chủ yếu như sau: Trung Quốc 10 triệu USD (+83%), chiếm 36%; Hoa Kỳ 7 triệu USD (-19%), chiếm 24,8%; Anh 1,8 triệu USD (-55%), chiếm 6,47%; Hà Lan 1,7 triệu USD (+39%), chiếm 6%;...

Giá hạt điều xuất khẩu tháng 8/2019 bình quân ước đạt 6.914 USD/tấn, giảm 4,5% so với tháng 7/2019, giảm 18% so với cùng kỳ.

Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, sản lượng hạt điều xuất khẩu ước đạt 27,8 ngàn tấn, tăng 19,8% so với cùng kỳ. Trị giá xuất khẩu hạt điều 08 tháng đầu năm đạt 202 triệu USD, chiếm 1,59% KNXK của cả tỉnh, giảm 7,4% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Trung Quốc 65,2 triệu USD; Hoa Kỳ 51 triệu USD; Anh 14 triệu USD; Hà Lan 10,2 triệu USD; Đức 8,9 triệu USD;...

Theo Hiệp hội Điều Việt Nam (Vinacas), bình quân xuất khẩu điều nhân đạt trên dưới 34.000 tấn/tháng, với mức xuất khẩu này, ước tính năm 2019, lượng điều nhân xuất khẩu đạt khoảng 400.000 tấn. Tuy nhiên, do nhu cầu nhập khẩu điều trên thế giới dự báo sẽ còn tăng cao trong những tháng cuối năm nên lượng điều nhân xuất khẩu đang hướng tới mục tiêu 450.000 tấn.

Do năm nay giá xuất khẩu điều nhân thấp, các chuyên gia nhận định, dự kiến lượng tiêu thụ sẽ tăng cao. Các chuyên gia cũng dự báo, giá điều nhân hiện đã ở mức đáy, do đó, khả năng cuối năm nay giá điều nhân sẽ tăng trở lại.

8. Cao su

KNXK cao su tháng 8/2019 ước đạt 5,78 triệu USD (chiếm 0,33% KNXK của tỉnh), tương đương với tháng 7/2019, tăng 18,7% so với cùng kỳ. Lượng cao su xuất khẩu tháng 8/2019 ước đạt 3,7 ngàn tấn, tương đương với tháng 7/2019, tăng 10% so với cùng kỳ. KNXK cao su tháng 8/2019 tại một số thị trường chủ yếu như sau: Trung Quốc 3,4 triệu USD (chiếm 60%); Indonesia 0,6 triệu USD (chiếm 11%); Đài Loan 0,3 triệu USD (chiếm 5,6%); Hà Lan 0,22 triệu USD (chiếm 3,8%); Đức 0,22 triệu USD (chiếm 3,8%); Hoa Kỳ 0,18 triệu USD (chiếm 3,2%);...

Giá cao su xuất khẩu tháng 8/2019 bình quân ước đạt 1.565 USD/tấn, giảm khoảng 6% so với tháng 7/2019 và tăng 7,7% so với cùng kỳ.

Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, sản lượng cao su xuất khẩu ước đạt 25 ngàn tấn, tăng 47% so với cùng kỳ. 08 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu cao su đạt 37,3 triệu USD, tăng 39% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Trung Quốc 20,5 triệu USD (chiếm 55%); Indonesia 3,1 triệu USD (chiếm 8,5%); Đức 2,7 triệu USD (chiếm 7,3%); Đài Loan 2,4 triệu USD (chiếm 6,4%); Hà Lan 1,58 triệu USD (chiếm 3,8%);...

9. Hạt tiêu

KNXK hạt tiêu tháng 8/2019 ước đạt 3,8 triệu USD (chiếm 0,22% tổng KNXK của tỉnh) tăng 1,23% so với tháng 7/2019 và tăng 12,26% so với cùng kỳ. Lượng hạt tiêu xuất khẩu tháng 8/2019 ước đạt 1.457 tấn, tăng 1,23% so với tháng 7/2019 và tăng 31% so với cùng kỳ. KNXK hạt tiêu tháng 8/2019 tại một số thị trường chủ yếu như sau: Hoa Kỳ 1,65 triệu USD (chiếm 42,68%); Đức 0,5 triệu USD (chiếm 13%); Pakistan 0,27 triệu USD (chiếm 7%); UAE 0,22 triệu USD (chiếm 5,8%); Ả Rập Xê Út 0,2 triệu USD (chiếm 5,6%);...

Giá hạt tiêu xuất khẩu tháng 8/2019 bình quân ước đạt 2.663 USD/tấn, giảm 3,3% với tháng 7/2019, giảm 14,3% so với cùng kỳ.

Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, lượng hạt tiêu xuất khẩu ước đạt 9,748 tấn, tăng 39,8% so với cùng kỳ. Trị giá hạt tiêu xuất khẩu đạt 26,5 triệu USD, tăng 6,14% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Hoa Kỳ 10,8 triệu USD (chiếm 40,8%); Đức 3,5 triệu USD (chiếm 13%); Pakistan 1,68 triệu USD (chiếm 6,3%); Ả Rập Xê Út 1,2 triệu USD (chiếm 5,6%); UAE 1 triệu USD (chiếm 3,9%);...

10. Các mặt hàng xuất khẩu khác

Kim ngạch, sản lượng xuất khẩu của một số mặt hàng khác trong tháng 8/2019 như sau:

- Phương tiện vận tải và phụ tùng ước đạt 87 triệu USD (chiếm 4,9% tổng KNXK của tỉnh), tăng 2,27% so với tháng 7/2019, tăng 8,5% so với cùng kỳ. KNXK phương tiện vận tải ở một số thị trường chủ yếu trong tháng 8/2019 như sau: Nhật Bản 12,6 triệu USD; Hoa Kỳ 17,6 triệu USD; Trung Quốc 16,4 triệu USD; Mexico 4,3 triệu USD; Hàn Quốc 3,5 triệu USD. Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, KNXK mặt hàng này đạt 617 triệu USD (chiếm 4,84% KNXK), tăng 7% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Nhật Bản 113 triệu USD (chiếm 18,37%); Hoa Kỳ 107 triệu USD (chiếm 17,35%); Trung Quốc 104,5 triệu USD (chiếm 16,9%); Mexico 34,4 triệu USD (chiếm 5,57%); Hàn Quốc 30 triệu USD (chiếm 4,8%); Ấn Độ 28,7 triệu USD (chiếm 4,6%);...

- Sản phẩm từ sắt thép ước đạt 69 triệu USD (chiếm 3,9% KNXK của tỉnh), tăng 12% so với tháng 7/2019 và tăng 5% so với cùng kỳ. KNXK sản phẩm từ sắt thép vào một số thị trường trong tháng 8/2019 như sau: Hoa Kỳ 22 triệu USD; Nhật Bản 11,4 triệu USD; Hàn Quốc 4,5 triệu USD; Bỉ 3,9 triệu USD; Đức 3 triệu USD. Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, KNXK mặt hàng này đạt 492 triệu USD (chiếm 3,86% KNXK), tăng 4,77% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Hoa Kỳ 178 triệu USD (chiếm 36%); Nhật Bản 63,4 triệu USD (chiếm 12,9%); Hàn Quốc 32,8 triệu USD (chiếm 6,67%); Bỉ 32 triệu USD (chiếm 6,5%); Đức 20 triệu USD (chiếm 4%);...

- Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện ước đạt 56,4 triệu USD (chiếm 3,18% KNXK của tỉnh) tăng 11,87% so với tháng 7/2019, giảm 6,4% so với cùng kỳ. KNXK các sản phẩm từ sắt thép vào một số thị trường chủ yếu trong tháng 8/2019 như sau: Nhật Bản 16,6 triệu USD; Singapore 14,4 triệu

USD; Trung Quốc 7,2 triệu USD; Hồng Kông 5,8 triệu USD; Hoa Kỳ 2,6 triệu USD. KNXXK máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện 08 tháng đầu năm 2019 đạt 400 triệu USD (chiếm 3,1% KNXXK của tỉnh), giảm 4,5% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Nhật Bản 116,5 triệu USD (chiếm 29%); Singapore 97,6 triệu USD (chiếm 24,4%); Trung Quốc 53,3 triệu USD (chiếm 13,3%); Hồng Kông 51 triệu USD (chiếm 12,74%); Hoa Kỳ 16,2 triệu USD (chiếm 4%);...

- Sản phẩm từ chất dẻo ước đạt 33,4 triệu USD (chiếm 1,89% KNXXK của tỉnh), tăng 13,57% so với tháng 7/2019, tăng 14,5% so với cùng kỳ. Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, KNXXK mặt hàng này đạt 239 triệu USD (chiếm 1,88% KNXXK của tỉnh), tăng 8,8% so với cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu gồm: Nhật Bản 68,4 triệu USD (chiếm 28,5%), Indonesia 29 triệu USD (chiếm 12%), Hoa Kỳ 23,5 triệu USD (chiếm 9,8%); Malaysia 12,7 triệu USD (chiếm 5,33%); Hàn Quốc 12 triệu USD (chiếm 5%); Hà Lan 8,2 triệu USD (chiếm 3,44%);...

10. KNXXK đối với nhóm hàng như sau:

- Đối với nhóm hàng công nghiệp, công nghiệp chế biến:

KNXXK tháng 8/2019 của nhóm hàng này ước đạt 1.437 triệu USD, chiếm 81% tổng KNXXK, tăng 36,9% so với tháng trước và tăng 15,58% so với cùng kỳ.

Một số mặt hàng chủ yếu thuộc nhóm hàng này tăng trưởng khá so với tháng 7/2019 như: sản phẩm từ chất dẻo tăng 13,57%; xơ, sợi dệt các loại tăng 12,46%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 11,87%; giày dép các loại tăng 5,85%.

Lũy kế 08 tháng đầu năm, KNXXK nhóm hàng công nghiệp, công nghiệp chế biến đạt 10.266 triệu USD, tăng 12,21% so với cùng kỳ.

- Đối với nhóm hàng nông, lâm, thủy sản:

Với nhóm hàng nông lâm thủy sản, KNXXK tháng 8/2019 ước đạt 231 triệu USD, tăng 7,9% so với tháng 7/2019, tăng 7,9% so với cùng kỳ, chiếm 13% tổng KNXXK.

Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, KNXXK các mặt hàng nông sản, thủy sản đạt 1.623 triệu USD (chiếm 12,72%), tăng 2% so với cùng kỳ.

Đối với nhóm hàng hóa khác:

Với nhóm hàng hóa khác, dự ước KNXXK tháng 8/2019 ước đạt 105 triệu USD (chiếm 5,9% tổng KNXXK). Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, KNXXK các hàng hóa khác đạt 872 triệu USD (chiếm 6,8% tổng KNXXK).

III. MỘT SỐ NHÓM HÀNG NHẬP KHẨU CHÍNH

1. Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng

KNXXK máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng tháng 8/2019 ước đạt 182 triệu USD (chiếm 12% KNXXK), tăng 1,5% so với tháng 7/2019 và tăng 31% so

với cùng kỳ. Lũy kế 08 tháng đầu năm ước đạt 1.224 triệu USD (chiếm 11,5%) tăng 11,2% so với cùng kỳ. Lũy kế KNNK vào một số thị trường nhập khẩu chính như sau: Trung Quốc 373 triệu USD; Nhật Bản 244 triệu USD; Hàn Quốc 168 triệu USD; Đài Loan 139 triệu USD; Đức 59 triệu USD; Hoa Kỳ 25 triệu USD;...

2. Chất dẻo nguyên liệu:

KNNK tháng 8/2019 của nhóm hàng này ước đạt 141 triệu USD (chiếm 9,38% KNNK), tăng 5,87% so với tháng 7/2019 và tăng 5,7% so với cùng kỳ. Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019 ước đạt 1.005 triệu USD (chiếm 9,43%), tương đương so với cùng kỳ. Lũy kế KNNK vào một số thị trường nhập khẩu chính như sau: Hàn Quốc 287,8 triệu USD; Đài Loan 182,8 triệu USD; Trung Quốc 124,6 triệu USD; Hoa Kỳ 104,8 triệu USD; Ả Rập Xê Út 74,8 triệu USD; Nhật Bản 62,5 triệu USD.

3. Sắt thép các loại

Sản lượng sắt thép nhập khẩu tháng 8/2019 ước đạt 89 ngàn tấn tương đương 94,3 triệu USD (chiếm 6,27% KNNK), tăng 4,23% về lượng và về trị giá so với tháng 7/2019; giảm 22,43% về lượng và giảm 23% về trị giá so với cùng kỳ. Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019 ước đạt 781,5 ngàn tấn, tương đương 801 triệu USD (chiếm 7,5%), giảm 5,7% về lượng và giảm 7,7% về trị giá so với cùng kỳ. Lũy kế KNNK vào một số thị trường nhập khẩu chính như sau: Hàn Quốc 311,7 triệu USD; Trung Quốc 213 triệu USD; Nhật Bản 111,7 triệu USD; Đài Loan 58,7 triệu USD; Indonesia 31 triệu USD;...

4. Các mặt hàng nhập khẩu khác

Kim ngạch, sản lượng nhập khẩu của một số mặt hàng khác trong tháng 8/2019 như sau:

- Hóa chất ước đạt 120 triệu USD (chiếm 8%), tăng 10% so với tháng 7/2019, giảm 2,1% so với cùng kỳ. Lũy kế 08 tháng đầu năm ước đạt 877 triệu USD (chiếm 8,2%), giảm 8,5% so với cùng kỳ.

- Vải các loại đạt 91,7 triệu USD (chiếm 6,1%), tăng 12,6% so với tháng 7/2019, tăng 28,8% so với cùng kỳ. Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019 ước đạt 631,5 triệu USD (chiếm 5,9%) tăng 5,24% so với cùng kỳ.

- Kim loại thường khác ước đạt 23,3 ngàn tấn tương đương 87,3 triệu USD (chiếm 5,8%), tăng 5% về lượng và về trị giá so với tháng 7/2019, tương đương về lượng và giảm 6% về trị giá so với cùng kỳ. Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019 ước đạt 688 triệu USD, giảm 5% so với cùng kỳ.

- Nguyên phụ liệu dệt may, da giày ước đạt 81 triệu USD (chiếm 5,4%), tăng 5,4% so với tháng trước, tăng 15% so với cùng kỳ. Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019 ước đạt 558,6 triệu USD (chiếm 5,24%), tăng 8% so với cùng kỳ.

- Bông các loại ước đạt 60,9 triệu USD (chiếm 4%), tăng 5,86% so với tháng 7/2019, giảm 4,8% so với cùng kỳ. Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019 ước đạt 482 triệu USD (chiếm 4,5%), giảm 10,5% so với cùng kỳ.

- Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện ước đạt 60 triệu USD (chiếm 4%), tăng 5,86% so với tháng trước và tăng 45% so với cùng kỳ. Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019 ước đạt 363 triệu USD (chiếm 3,4%), giảm 2,12% so với cùng kỳ.

- Thức ăn gia súc và nguyên liệu ước đạt 57 triệu USD (chiếm 3,8%), tăng 14,9% so với tháng 7/2019 và giảm 14,44% so với cùng kỳ. Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019 ước đạt 455 triệu USD (chiếm 4,3%) giảm 20% với cùng kỳ.

- Sản phẩm hoá chất ước đạt 56,8 triệu USD (chiếm 3,78%), tăng 9% so với tháng 7/2019, giảm 1,5% so với cùng kỳ. Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019 ước đạt 408,7 triệu USD (chiếm 3,8%), giảm 3% so với cùng kỳ.

KNNK của nhóm hàng tiêu dùng tháng 8/2019 ước đạt 89,5 triệu USD, chiếm 6,19% tổng KNNK của tỉnh.

IV. VỀ THỊ TRƯỜNG

1. Thị trường xuất khẩu chủ yếu

1.1. Thị trường Hoa Kỳ

KNXK vào thị trường Hoa Kỳ tháng 8/2019 ước đạt 503 triệu USD (chiếm 28,36% tổng KNXK), tăng 5,8% so với tháng 7/2019, tăng 15,9% so với cùng kỳ. KNXK một số mặt hàng chủ yếu xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ tháng 8/2019 như sau: giày dép các loại 143 triệu USD (chiếm 28,5%); gỗ và sản phẩm gỗ 86 triệu USD (chiếm 17%), hàng dệt, may 78,4 triệu USD (chiếm 15,6%), máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác 32 triệu USD (chiếm 6,4%), sản phẩm từ sắt thép 22 triệu USD (chiếm 4,4%);... Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, KNXK vào thị trường Hoa Kỳ ước đạt 3.542 triệu USD (chiếm 27,76% lũy kế KNXK) tăng 13,33% so với cùng kỳ.

1.2. Thị trường Nhật Bản

KNXK vào thị trường Nhật Bản tháng 8/2019 ước đạt 185,8 triệu USD (chiếm 10,5%), tăng 5,06% so với tháng 7/2019, tăng 2,58% so với cùng kỳ. KNXK một số mặt hàng chủ yếu vào thị trường Nhật Bản tháng 8/2019 như sau: hàng dệt may đạt 23,7 triệu USD (chiếm 12,77%); máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng 18,4 triệu USD (chiếm 9,9%); phương tiện vận tải và phụ tùng 12,6 triệu USD (chiếm 6,78%); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện 16,6 triệu USD (chiếm 8,95%); gỗ và sản phẩm gỗ 11,6 triệu USD (chiếm 6,27%). Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, KNXK vào thị trường Nhật Bản đạt 1.352 triệu USD (chiếm 10,6%); tăng 8,8% so với cùng kỳ.

1.3. Thị trường Trung Quốc:

KNXK vào thị trường Trung Quốc tháng 8/2019 ước đạt 184 triệu USD (chiếm 10,37%), tăng 5,66% so với tháng 7/2019 và tăng 2,58% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu vào thị trường Trung Quốc tháng 8/2019 gồm: giày dép các loại 51 triệu USD (chiếm 27,8%); xơ, sợi dệt các loại 52 triệu USD (chiếm 28,27%); phương tiện vận tải và phụ tùng 16,4 triệu USD (chiếm 8,9%); máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng 12,5 triệu USD (chiếm 6,8%);

nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày 12,2 triệu USD (chiếm 6,6%). Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, KNXK vào thị trường Trung Quốc đạt 1.345 triệu USD (chiếm 10,55%) tăng 7,35% so với cùng kỳ.

1.4. Thị trường khác:

Một số thị trường khác có KNXK khá cao trong tháng 8/2019 cụ thể: Hàn Quốc ước đạt 88,7 triệu USD (chiếm 5%), tăng 5,9% so với tháng trước, giảm 13% so với cùng kỳ; Bỉ ước đạt 74 triệu USD (chiếm 4,17%), tăng 6,24% so với tháng trước, tăng 27% so với cùng kỳ; Đức 49,4 triệu USD (chiếm 2,8%), tăng 6,24% so với tháng trước, tăng 24,65% so với cùng kỳ.

2. Thị trường nhập khẩu chủ yếu

2.1. Thị trường Trung Quốc:

Tháng 8/2019 KNNK từ thị trường Trung Quốc ước đạt 308,3 triệu USD (chiếm 20,5% tổng KNNK), tăng 6,24% so với tháng 7/2019, tăng 10,3% so với cùng kỳ. KNNK một số mặt hàng chủ yếu từ Trung Quốc như sau: máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng 58,5 triệu USD (chiếm 19%); vải các loại 34,2 triệu USD (chiếm 11%); hoá chất 31,2 triệu USD (chiếm 10,14%); sắt thép các loại 22,65 triệu USD (chiếm 7,35%) xơ, sợi dệt các loại 18,6 triệu USD (chiếm 6%). Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, KNNK từ thị trường Trung Quốc ước đạt 2.176 triệu USD (chiếm 20,4%), tăng 1,65% với cùng kỳ.

2.2. Thị trường Hàn Quốc:

Dự ước tháng 8/2019 KNNK từ thị trường Hàn Quốc đạt 224 triệu USD (chiếm 14,9%), tăng 5,85% so với tháng 7/2019, tăng 4,67% so với cùng kỳ. KNNK một số mặt hàng chủ yếu từ thị trường Hàn Quốc như sau: Sắt thép các loại 39 triệu USD (chiếm 17,5%); chất dẻo nguyên liệu 38,6 triệu USD (chiếm 17,2%); kim loại thường khác 29,5 triệu USD (chiếm 13%); vải các loại 19,7 triệu USD (chiếm 8,77%); máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng 16,4 triệu USD (chiếm 7,3%). Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, KNNK từ thị trường Hàn Quốc đạt 1.707 triệu USD (chiếm 16%), tăng 14,9% so với cùng kỳ.

2.3. Thị trường Đài Loan:

Thị trường Đài Loan với dự ước mức kim ngạch tháng 8/2019 đạt 167 triệu USD (chiếm 11,15%), tăng 6,56% so với tháng 7/2019, tăng 16% so với cùng kỳ. Lũy kế 08 tháng đầu năm 2019, KNNK từ thị trường Đài Loan đạt 1.170 triệu USD (chiếm 11%), giảm 1,53% so với cùng kỳ.

2.4. Thị trường khác:

Các thị trường khác dự ước có KNNK vào Đồng Nai khá cao trong tháng 8/2019 gồm: Nhật Bản ước đạt 153 triệu USD (chiếm 10,2%) tăng 4,9% so với tháng 7/2019, tăng 22,5% so với cùng kỳ; Hoa Kỳ ước đạt 132 triệu USD (chiếm 8,7%) tăng 6,7% so với tháng 7/2019, tăng 2,9% so với cùng kỳ; Thái Lan ước đạt 82 triệu USD (chiếm 5,45%) tăng 8,7% so với tháng trước, tăng 5% so với cùng kỳ.

3. Đánh giá chung

Trong ngắn hạn, xuất khẩu của Việt Nam chịu tác động tiêu cực của cuộc chiến thương mại Trung – Mỹ, chủ yếu do cầu giảm, do Trung Quốc thúc đẩy tiêu dùng và bảo hộ thị trường trong nước nhiều hơn, và dịch chuyển đầu tư đòi hỏi thời gian. Đối với tỉnh Đồng Nai, kim ngạch xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2019 của Đồng Nai chỉ tăng 5,22% (so với mức tăng 11,6% cùng kỳ năm 2018).

Đối với thị trường Hoa Kỳ, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này tăng 2,1% so với cùng kỳ. Về tốc độ tăng trưởng xuất khẩu, 8 tháng đầu năm 2019 kim ngạch xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng 13,33% (cao hơn mức tăng 9% cùng kỳ năm 2018).

Ngược lại, mặc dù kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tăng về tỷ trọng (từ 10,3% lên 10,55%), tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với cùng kỳ năm 2018. Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc 8 tháng đầu năm 2019 tăng 7.35% (so với mức tăng 14% cùng kỳ năm 2018).

Trong dài hạn, xuất khẩu của Việt Nam sẽ tích cực hơn khi đối tác tìm kiếm hàng hóa thay thế và các cơ sở sản xuất mới sau khi dịch chuyển đầu tư bắt đầu kinh doanh và xuất khẩu. Đối với ngành hàng, nếu doanh nghiệp Việt Nam trong các ngành hàng như máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, thủy sản, đồ gỗ, nội thất... nhanh nhạy, chủ động thông tin, tìm ra những lợi thế để khai thác, tranh thủ cơ hội để vươn lên, chiếm lĩnh thị phần, tăng khả năng cạnh tranh, đáp ứng được tiêu chuẩn, nhu cầu và tăng khả năng xuất khẩu, thì sẽ nắm bắt cơ hội tốt hơn. Ngược lại, với thị trường trong nước, các ngành hàng như thép, da giày, dệt may, nông sản, hàng điện tử,... sẽ chịu thêm áp lực cạnh tranh khi các mặt hàng này có thể dịch chuyển từ Trung Quốc sang Việt Nam để tránh thuế.

Trên đây là báo cáo dự ước kết quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tháng 8/2019 của tỉnh Đồng Nai. Sở Công Thương Đồng Nai kính báo cáo.

Nơi nhận:

- Đ/c Đinh Quốc Thái (Chủ tịch tỉnh);
- Đ/c Trần Văn Vĩnh (Phó Chủ tịch tỉnh);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Văn phòng tỉnh ủy;
- Sở KH&ĐT;
- Cục Hải quan;
- Cục Thống kê;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLTM.

NVAT



Dương Minh Dũng